

**THANH QUI TẬP
THIỆN VIỆN CHƠN KHÔNG**

**PHẦN I
THANH QUI**

A- MỤC ĐÍCH THÀNH LẬP THIỀN VIỆN CHƠN KHÔNG

I- CẦN CÓ CHỖ ĐỂ CHƯ TĂNG TU TẬP :

Ngày xưa mỗi ngôi chùa là một Tông lâm, một Thiền-viện, nằm trong khung cảnh yên tĩnh tịch mịch, là chỗ để cho chư Tăng tu tập. tín đồ thỉnh thoảng lai vãng hỏi đạo cúng dường. Ngôi chùa xưa đa số là ở núi non hoặc nơi xa thành phố, có cây cao, có vườn rộng thích hợp với tâm hồn thanh tịnh của chúng Tăng, đủ sức dung chứa nhiều người ở đây tu tập. Vì thế, một ngôi chùa là một Thiền-viện rồi.

Ngày xưa vì tai nạn chiến tranh, hầu hết chùa chiền đều cất trong thành phố, vừa ồn ào vừa chật hẹp lại là chỗ qui tụ tín đồ cung kính lễ lượt liên miên. Thành thử những ngôi chùa hiện giờ nặng về hướng dẫn Phật tử hơn là để độ Tăng tu tập. Bởi không có chỗ đầy đủ trợ duyên lành cho những vị Tăng hiếu tu quyết tâm cầu giải thoát, nên họ phải bỏ dở nửa đường không biết nương tựa vào đâu. Để giúp đỡ những người hiếu tu ấy, chúng tôi mới thành lập Thiền-viện nhỏ này. Mong rằng Thiền-viện nhỏ này sẽ mở đường cho những Thiền-viện lớn trong tương lai, nếu giáo hội thấy cần thiết.

II - CỨU VẤN SỰ TU SAI LẠC VÀ GIẢM THIỂU AM CỐC

Chùa chiền hiện nay không thích hợp với những người ham tu quyết tâm cầu giải thoát, cho nên họ tự tiện tìm chỗ thích hợp với mình, cất am cốc riêng để tự tu, không thầy hướng dẫn, không bạn nhắc nhở thì làm sao tránh khỏi những sự lạc lầm. Bởi thiếu thầy lành bạn tốt, cho nên họ tu một lúc lại sanh bệnh hoạn điên cuồng hoặc chạy theo tà giáo, hoặc tuy hình thức xuất gia mà cử chỉ lời nói không khác gì thế tục. Muốn cứu vãn những tệ hại ấy, cần phải lập Thiền-viện.

III - PHẬT GIÁO MUỐN ĐƯỢC MIÊN VIỄN

Phật giáo muốn được sống mãi trong lòng nhân loại cần có đủ hai mặt:

a- Từ thiện xã hội: Muốn thực hiện từ bi, Phật giáo phải đi sát quần chúng để chia sẻ nỗi đau khổ của họ và hướng dẫn họ trở về với Đạo. Đây là trách nhiệm của Tăng, Ni nặng lòng từ bi muốn đem đạo vào đời để xoa dịu vết thương đau của họ, hoặc đem đời vào Đạo để cứu rỗi những tâm hồn đang sa đọa trong hắc ám vô minh. Đó là bề rộng của Phật giáo.

b- Chuyên tu cầu giải thoát: Chủ yếu của Phật giáo là cứu người thoát khỏi vòng trầm luân sanh tử. Bao nhiêu kinh điển bao nhiêu phương tiện đều không ngoài mục đích ấy. Vì thế, nếu người tu chỉ một bề lo làm việc từ thiện xã hội, hoặc giảng dạy để hướng dẫn người về với Đạo mà thiếu sự chuyên tu cầu giải thoát là đã hạ giá trị Phật giáo xuống thấp. Khi người tín đồ đã hiểu Tam qui, Ngũ giới, Nhân quả, Luân

hồi,... họ muốn tiến lên cầu giải thoát, thử hỏi họ sẽ trông cậy vào đâu, nếu không có những vị Tăng chuyên tu để hướng dẫn họ.

Hơn nữa, chư Tăng phải tự mình được độ mới có thể độ được người, tự mình giải thoát mới cứu được người giải thoát. Do đó, sự chuyên tu không thể thiếu ở một tu sĩ nào. Nếu có làm việc từ thiện xã hội, giảng giải... cũng chỉ là phương tiện trong buổi đầu của tu sĩ mà thôi. Chỗ cứu cánh của tu sĩ là phải thực hiện kỳ được sự giải thoát trong đời hiện tại của mình. Nếu không có Tu-viện thì lấy đâu làm chỗ ẩn trú vững vàng để tu sĩ thực hiện hoài bảo của họ? Nếu Phật giáo chỉ lo làm việc từ thiện xã hội hoặc bố thí cúng dường làm phước thì có khác gì những tôn giáo khác hay những đoàn thể từ thiện khác. Như vậy hoặc vô tình hay cố ý khiến Phật giáo không còn gì cao siêu kỳ đặc nữa. Cho nên, lập Tu-viện để có một số Tăng sĩ chuyên tu đó là khai thác bề sâu của Phật giáo.

Nếu Phật giáo chỉ lo mở mang bề rộng mà thiếu khai thác bề sâu thì khó mong tồn tại lâu dài. Để cứu vãng chỗ thiếu sót hiện giờ của Phật giáo, lập Tu-viện dành cho một số Tăng sĩ chuyên tu là việc là việc làm tối thiết yếu vậy.

IV - ĐỂ LÀM SÁNG TỎ TỪNG PHÁP TU

Phật giáo có chia nhiều tông phái, mỗi tông phái có một pháp tu riêng. Mỗi pháp tu phát triển đến cứu cánh thì sự tu hành mới có thể chứng đắc được. Phật giáo Việt Nam thừa hưởng gia tài của Phật giáo Trung Hoa. Ở Trung Hoa Phật giáo có chia làm mười tông, nhưng hiện lưu hành trên đất Việt Nam chỉ có hai tông chánh là Thiên tông và Tịnh Độ tông. Chúng tôi hy vọng ở Việt Nam sẽ ra đời nhiều Tu-viện sau này, mỗi Tu-viện chuyên tu về Thiên hay Tịnh. Trong mỗi Tu-viện sẽ có một vị thầy đủ sức hướng dẫn và khai thác triệt để những quyển kinh, luận chuyên về tông phái của mình. Có thể, những người tu mới khỏi lo sợ lạc lăm và mỗi ngày niềm tin càng vững chắc. Cũng nhờ đó, người ta mới thấy đường lối tu hành rõ ràng và giáo lý Phật càng sáng tỏ hơn.

V - THIỀN VIỆN CHON KHÔNG NHẪM LÀM SỐNG LẠI THIỀN TÔNG VIỆT NAM

Phật giáo có mặt trên lãnh thổ Việt Nam hầu hết đều kế thừa các vị Thiền sư từ Trung Hoa sang. Mở đầu là ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi, kế ngài Vô-Ngôn-Thông, ngài Thảo-Đường, và sau này ngài Nguyên Thiều... Bởi kế thừa Thiền-tông nên Phật giáo Việt Nam ngày xưa đều gọi chung là Thiền gia (nhà Thiền), Thiền-môn (cửa Thiền), Thiền-lâm (rừng Thiền)... Nhưng gần đây Tăng sĩ Việt Nam dường như quên lãng Thiền tông, chỉ tôn sùng Tịnh Độ tông. Thật là một sự mất gốc đáng tiếc của Phật giáo Việt Nam. Không nỡ để cho Thiền tông mai một ở Việt Nam, Thiền-viện Chon Không chúng tôi sẽ cố gắng khai thác những kinh luận về Thiền tông và thực hành tu tập theo Thiền tông, để làm sống lại nền Phật giáo cổ hữu lại Việt Nam.

B - ĐƯỜNG LỐI TỔ CHỨC THIỀN VIỆN CHƠN KHÔNG

I. BAN CHỨC SỰ

Ban chức sự của Thiền viện được quy định như sau:

- 1- Viện chủ:** Cai quản toàn viện, hướng dẫn sự tu hành và giảng dạy kinh luận. Trọn quyền trong việc thu nhận người vào viện và quyết định mời đi nếu vị nào không giữ đúng nội quy Thiền viện.
- 2- Quản viện:** Trông coi tất cả tài sản của viện, thọ nhận tất cả đồ cúng dường, mua sắm ăn mặc và những nhu cầu cho chúng phân chia phẩm vật và xem xét sự thiếu đủ của chúng để lo liệu
- 3- Tri sự:** Sắp đặt mọi công tác trong viện là những thời khóa học tu công cộng của chúng, xem sóc vườn tược và phân công người làm cỏ.
- 4- Tri khách:** Tiếp những khách đến Thiền viện, sắp đặt sự ăn ở của khách, đặt người gát chuồng, thay mặt toàn chúng tiếp xúc chánh quyền nếu có việc cần.
- 5- Tri khố:** Gìn giữ lương thực ở nhà trù và sắp đặt người làm bếp đi chợ.
- 6- Thư ký:** Đánh máy những văn thư của Thiền viện và bài học của chúng. Gìn giữ những phòng phẩm của Thiền viện.
- 7- Hương đăng:** Lo việc hương đèn và quét dọn trên chùa, giữ trách nhiệm đánh kiếng cho tất cả thời khóa tu học và công tác.

II. THẦU CHÚNG

Thiền viện Chơn Không đối với số Thiền sinh chỉ trọng phẩm không nghĩ đến lượng. Vì thế, khi Thiền viện thành hình số Thiền sinh tối thiểu là bốn vị, tối đa là hai mươi vị. Những Thiền sinh xin vào Thiền viện phải lựa chọn kỹ càng. Thiền viện tổ chức từng khóa một, mỗi khóa ba năm. Những Tiền sinh tu tại đây ba năm mãn khóa sẽ được bổ nhiệm đi nơi khác ngoại trừ trường hợp cần giúp việc cho Thiền viện, hoặc tuổi nhỏ, hoặc phát nguyện nhập thất mới giữ lại.

Mỗi Thiền sinh khi vào Thiền viện phải có đủ giấy tờ hợp pháp, không mắc bệnh truyền nhiễm, phải được Bồn sư hoặc Y chỉ sư giới thiệu, phải có ý chí xả thân vì cầu đạo giải thoát.

NỘI QUI

I LỜI MỞ ĐẦU:

Một Thiền viện muốn có qui củ, có đường lối tu hành vững chắc lâu dài, tất cả Thiền sinh tại các Thiền viện phải triệt để tuân hành đúng Nội qui của Thiền viện. Nội qui không phải sự ép buộc Thiền sinh sống trong cảnh cơ cực vô lý, mà do Thiền sinh tự nguyện khép mình trong khuôn khổ phù hợp với Đạo giải thoát. Nói đúng hơn, nội qui là vị Hộ pháp đầy đủ oai lực để bảo vệ toàn vẹn những người tu hành đạt được sở nguyện của mình. Vì thế, không một Thiền sinh nào đã phát nguyện vào Thiền viện mà có thể lơ là với Nội qui.

II PHẦN CHÁNH :

A. Tuân hành lục hòa :

Để thành một đoàn thể Tăng đúng với ý nghĩa Tăng Thiền sinh trong Thiền viện phải hoàn toàn tuân hành lục hòa :

1/ Thân hòa đồng trụ: Về phần thân, ăn mặc, ở và công tác tất cả Thiền sinh đều hòa đồng nhau.

2/ Khẩu hòa vô tranh: Về phần miệng, luận bàn nói chuyện Thiền sinh đều dùng lời hòa nhã, không bao giờ có lớn tiếng cãi rầy.

3/ Ý hòa đồng duyệt: Đối đãi nhau, Thiền sinh luôn luôn tâm ý vui hòa không nên cố chấp phiền hận.

4/ Giới hòa đồng tu: Tất cả Thiền sinh trong Thiền viện đều giữ 10 giới làm căn bản và sống đúng nội qui.

5/ Kiến hòa đồng giải: Sống chung nhau, Thiền sinh có những hiểu biết đều giải bày cùng nhau đồng hiểu đồng cảm thông, không nên có thành kiến riêng tư.

6/ Lợi hòa đồng quân: Tất cả tài lợi trong Thiền viện là của chung của những Thiền sinh hiện có mặt, đều phải chia đồng đều nhau, không ai có quyền nhận giữ riêng một vật gì.

B. Giữ mười giới làm căn bản :

Phân giới luật, Thiền sinh trong Thiền viện phải giữ kỹ được 10 giới làm căn bản :

1/ Không sát sanh

2 / Không trộm cắp

3/ Không dâm dục

4/ Không nói dối

5/ Không uống rượu

6/ Không dùng dầu thơm, các chất thơm xoa mình và không đeo đồ trang sức.

7/ Không nghe ca nhạc và tự hát múa.

8/ Không nằm giường đẹp rộng lớn

9/ Không ăn chiều

10/ Không giữ vàng bạc và châu báu.

C. Tóm kết

Trong phần chánh này, Thiền sinh nếu phạm một hoặc nhiều điều, tùy nặng nhẹ hoặc phạm một lần liền mời ra khỏi Thiền viện, hoặc cảnh cáo đến ba lần mà không sửa sẽ mời ra khỏi Thiền viện.

III PHẦN PHỤ :

1/ Để giữ tâm hồn thanh tịnh thuần Đạo lý, Thiền sinh không được đọc báo chí, sách vở ngoài đời và dùng Radio nghe tin tức.

2/ Để tiết kiệm tài sản của Thiền viện cũng như của tín đồ, Thiền sinh tuyệt đối không hút thuốc, không uống bia và các thứ có tánh cách xa xỉ.

3/ Để tiết kiệm thì giờ tu học tu học, Thiền sinh không được tiếp khách quá 15 phút.

4/ Để giữ được điều hòa thứ sáu, Thiền sinh tuyệt đối không được nhận tiền bạc vật dụng cúng dường riêng dù nhiều dù ít đều giao cho Quản viện chia đồng nhau (% nếu có người cúng dường).

5/ Để tránh mọi hoài nghi của người, có việc cần đến am cốc Ni, Thiền sinh không được đi một mình.

6/ Để giữ trật tự cho Thiền viện, tất cả khách đến và ở lại đều do Tri khách sắp đặt, không một Thiền sinh nào được quyền lo riêng dù là thân nhân của mình.

7/ Để phù hợp với tinh thần thiền, Thiền sinh không nên dục ba hợp bảy cười nói ồn náo, chỉ được hợp bàn Đạo lý một cách êm ái.

8/ Để tâm ý khỏi xao động, Thiền sinh hạn chế tối thiểu sự đi lại, ngoại trừ trường hợp đặc biệt.

9/ Để thể hiện tinh thần tương thân tương ái, tất cả Thiền sinh phải triệt để tương trợ nhau không phân biệt thân sơ.

10/ Để thực hiện một đời sống đơn giản, mỗi Thiền sinh chỉ được ba bộ đồ ngắn, hai áo tràng và y hậu, toàn bằng vải màu vàng.

11/ Thư từ qua lại phải trình thầy Viện chủ xem qua.

Trong những điều phụ này nếu Thiền sinh nào phạm sẽ bị mời ra khỏi Thiền viện.

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

1. Nghĩ đến thân chẳng cầu không bệnh, thân không bệnh thì tham dục dễ sanh.
2. Ở đời, chẳng mong không nạn, không nạn thì kiêu xa ắc khởi.
3. Tham cứu tâm, chẳng cầu không chướng, tâm không chướng thì việc học không vượt bậc.
4. Lập hạnh, chẳng mong không ma, không ma thì thệ nguyện không vững.
5. Sắp đặt việc, chẳng cầu dễ thành, việc dễ thành thì chí còn khinh mạn.
6. Tình nghĩa qua lại, chẳng mong lợi mình, lợi mình thì kém tổn đạo nghĩa.
7. Đối tiếp người, chẳng cầu nuông chiều, được nuông chiều thì tâm sanh kiêu căng.
8. Thi ân bố đức, chẳng mong đền đáp, mong đền đáp là ý còn mưu toan.
9. Thấy lợi, chẳng cầu mình được, được lợi thì tâm si dễ động.
10. Bị hàm oan, chẳng cầu minh oan, minh oan thì oán hận càng sanh.

Thế nên, Thánh nhơn lập bày giáo hóa, lấy bệnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm tiêu dao, lấy chướng nạn làm giải thoát, lấy chúng ma làm bạn pháp lấy khó khăn làm thành công, lấy kẻ giao hữu tệ bạc làm sự giúp ích, lấy người nghịch làm vườn đẹp, lấy bố đức làm dếp rách, lấy lợi sơ sài làm giàu sang, lấy oan ức làm cửa hạnh.

Như thế ở chỗ ngại biến thành thông, mong được thông trở thành ngại. Như thế Như Lai ở trong chướng ngại được Đạo Bồ Đề.. Đến như bọn ông Ương Quật Ma La và Đề Bà Đạt Đa đều đến làm hại, mà đức Phật vẫn thọ ký cho họ sau sẽ thành Phật. Đâu không phải họ là nghịch mà ta vẫn thuận, kia là hoại mà ta lại thành.

Song thời nay người thế tục học đạo, nếu trước không ở chỗ ngại, khi chướng ngại đến khó bề dẹp nổi, khiến của báu Pháp Vương do đó mà mất. Đâu chẳng tiếc ư ! Đâu chẳng tiếc ư !

(Bảo Vương Tam Muội Luận)

C. PHƯƠNG TIỆN TIẾN TU

Thiền Tông chủ trương lấy tánh làm yếu môn nhập Đạo, không dùng những phương tiện quanh co. Song vì căn cơ người thời nay chậm lụt khó nhận được bản tánh, nên tạm dùng phương tiện hướng dẫn cho họ gọt giũa lần lần để phút giây nào đó tự họ trực ngộ. Phương tiện đó là thời khóa tu tập hằng ngày của chư Tăng tại Thiền viện.

THỜI KHÓA HẰNG NGÀY

Sáng :

04 giờ đến 06 giờ : Tại nhà công cộng tại nhà thiền (Hô Thiền)

07 giờ : Tiểu thực (ba tiếng bản nhà trù)

07 giờ 30 đến 08 giờ 45: Công tác (3 tiếng chuông)

09 giờ 30 đến 10 giờ 30: Tọa thiền (ba tiếng chuông)

11 giờ 30 : Sốt cơm vào bát (ba tiếng bản nhà trù)

12 giờ : Thọ trai

Chiều :

- 1 giờ : Chỉ tịnh (một hồi chuông)
- 2 giờ : Thức chúng (một hồi ba tiếng chuông)
- 4 giờ đến 5 giờ : Tọa thiền (ba tiếng chuông)
- 7 giờ đến 7 giờ 30 : Tụng kinh Bát nhã tại nhà Thiền (ba tiếng chuông)
- 8 giờ đến 10 giờ : Tọa thiền công cộng tại nhà Thiền (Hô thiền)

D. HẠN KỲ KINH LUẬN SỬ

Chủ yếu của Thiền Tông là : **“Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự ; trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật”**. Nếu chúng ta tu thiền mà nghe kinh học luận là trái lại với chủ trương của Thiền Tông sao ?

Song vì Phật Giáo Việt Nam thừa kế gia bảo Thiền Tông mà không khéo giữ gìn bị mất gốc. Do đó, cho nên Thiền viện Chơn Không mới chủ trương **“Thiền giáo đồng hành”** nghĩa là vừa tu theo Thiền Tông vừa học kinh luận. Bởi vì hiện tình tu sĩ Việt Nam cũng có lắm người tu Thiền, nhưng không có mấy người thực tu theo Thiền Tông chánh thống. Vì thế, họ dễ bị lạc lầm và ra bệnh hoạn điên cuồng. Cho nên có nhiều người nghe nói tu Thiền là đâm ra kinh sợ. Bởi vậy Thiền viện Chơn Không đề khởi tu Thiền, nếu không đem kinh luận của Phật Tổ phối hợp chắc chẽ thì không sao tránh khỏi sự nghi ngờ e sợ của đa số Tu sĩ. Đó là lý do căn bản Tăng chúng ở đây phải học kinh luận.

HẠN KỲ NGHE KINH LUẬN SỬ TRONG BA NĂM

NĂM THỨ NHỨT :

- Kinh :** 1/ Bát nhã tâm kinh (Hán)
- 2/ Kinh Kim Cang (Hán)
- 3/ Kinh Duy Ma Cật (Việt)
- 4/ Kinh Viên Giác (Hán)

- Luận :** 1/ Qui Sơn cảnh sách (Hán)
- 2/ Nguồn Thiên (Việt)
- 3/ Tham Thiên Yếu Chỉ (Việt)
- 4/ Luận Tồi Thượng Thừa (Việt)
- 5/ Kinh Pháp Bảo Đàn (Việt)
- 6/ Truyền Gia Bảo Thiên Tông Trực chỉ (Việt)

- Sử :** 1/ Ba mươi ba vị Tổ Ấn Hoa
- 2/ Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng I

NĂM THỨ HAI

- Kinh :** 1/ Kinh Lăng Già (Việt)
- 2/ Kinh Lăng Nghiêm (Việt)
- 3/ Kinh Pháp Hoa (Việt)

- Luận :** 1/ Thiếu Thất Lục Môn (Việt)
- 2/ Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn (Việt)
- 3/ Luận Đại Thừa Khởi Tín (Hán)
- 4/ Luận Trung Quán (Hán)
- 5/ Thiên Quan Sách Tấn (Việt)

- Sử :** 1/ Trung Hoa Chư Thiên Đức Hành Trạng II

NĂM THỨ BA

Kinh : 1/ Kinh Niết Bàn (Đại cương) (Việt)

2/ Kinh Hoa Nghiêm (Đại cương) (Việt)

Luận : 1/ Chơn Tâm Trục Thuyết (Việt)

2/ Chứng Đạo Ca (Hán)

3/ Vạn Pháp Qui Tâm (Việt)

4/ Tín Tâm Minh (Hán)

Sử : 1/ Sử Thiền Sư Việt Nam

Những kinh, luận, sử này sẽ được nghe trong vòng sáu ngày đầu của mỗi tháng âm lịch (1- 6) đến khi nào hết số kinh... đó thì nghỉ. Nghĩa là bắt đầu mùng tám tháng tư âm lịch khai giảng, về sau từ mùng một đến mùng sáu nghe kinh đều đều như thế (trừ tháng giêng âm lịch cho nghỉ). Khi nghe kinh, thì mỗi ngày khởi đầu từ 8 giờ đến 10 giờ sáng, 2 giờ 30 đến 4 giờ 30 chiều. Thời gian nghe kinh... bớt giờ công tác sáng và giờ Tọa thiền công cộng buổi sáng, buổi chiều.

Người nghe kinh không bắt buộc có kinh hay không chỉ cần lắng thần ngồi nghe để thâm nhập yếu lý là đủ.

E. CÚNG DƯỜNG CẦU NGUYỆN

I. CÚNG DƯỜNG:

Các Phật tử phát tâm cúng dường chư Tăng tại Thiền viện bằng vật thực tiền bạc, hoặc trai phạn đều được chư Tăng hoan hỷ thu nhận. Nếu tiền bạc vật thực, quý vị nên trực tiếp giao cho thầy Quản viện, hoặc gián tiếp nhờ thầy Tri Khách trao lại. Quý Phật tử tuyệt đối không nên cúng dường riêng cho một vị Tăng nào. Nếu cúng dường trai phạn cần trực tiếp với thầy Quản viện để sắp đặt việc nhà trù. Nếu hôm nào có Phật tử cúng dường trai phạn thì chư Tăng khỏi làm bếp, nhà trù trong viện giao toàn quyền cho Phật tử xử dụng.

II. CẦU NGUYỆN:

Vì muốn giảm bớt duyên ngoài nên chư Tăng tại Thiền viện không nhận rước đi cầu an cầu siêu bất cứ nơi nào. Để đền ơn thí chủ và thể hiện tâm từ bi, chư Tăng sẵn sàng chấp nhận quý Phật tử xin cầu an cầu

siêu tại Thiền viện qua hai thời sau buổi ngộ trai và thời kinh Bát Nhã lúc 7 giờ tối. Điều kiện xin, chỉ chuộng lòng khách không quý tài vật.

Chú ý : Giờ tọa thiền công cộng, buổi sáng và buổi chiều Tăng, Ni và Cư Sĩ nam nữ bên ngoài được dự, song phải được Viện chủ cho phép.

F. KHÁCH ĐẾN THIỀN VIỆN

Chư Tăng trong Thiền viện vui vẻ đón tiếp tất cả khách đến với tinh thần tìm hiểu Phật pháp hoặc viếng thăm Thiền viện, nhưng phải theo điều kiện sau đây :

I. KHÁCH TĂNG :

Khách Tăng đến viếng Thiền viện cần phải giữ nếp sống tương tự với chúng Tăng trong Thiền viện. Nếu khách Tăng muốn lưu lại trong Thiền viện thì không quá một tuần (ngoại trừ trường hợp đặc biệt do Viện chủ cho phép) Trong thời gian lưu lại, khách Tăng phải tập sinh hoạt như tăng chúng tại Thiền viện.

II. KHÁCH CƯ SĨ NAM :

Khách cư sĩ nam đến viếng Thiền viện hoàn toàn theo sự hướng dẫn và sắp đặt của thầy Tri Khách. Nếu cần lưu lại Thiền viện thì không quá 3 ngày, ngoại trừ những vị được cho phép “dự tập tọa thiền”, hoặc “dự học Phật pháp”. Trong thời gian lưu lại Thiền viện, khách nên coi mình như đang thọ “Bát quan trai” mặc dầu không làm lễ thọ. Nghĩa là khách vẫn không được nghe Radio, không đọc báo chí và không ăn phi thời (vì chư tăng chiều không nấu cơm). Đến bữa cơm, khách phải tự đến nhà trù lãnh phần cơm về phòng khách tự dùng.

III. KHÁCH NI VÀ CƯ SĨ NỮ :

Thiền viện có dành một phòng khách riêng cho nữ phái, khách nữ và Phật tử nữ đến viếng Thiền viện nên dừng lại “nhà khách nữ”. Muốn vào Thiền viện thăm thân nhân hoặc thưa hỏi điều gì, khách nên theo thời gian ấn định tiếp khách của chư Tăng mà đến. Khách cần lưu lại nhà khách này cũng không quá 3 ngày, ngoại trừ những vị được cho phép “dự tập tọa thiền” hoặc “dự học Phật pháp” thì thời gian lưu lại không nhất định.

Nếu Phật tử phát tâm cúng dường trai phạn cho chư Tăng nên đến nhà trù trong Thiền viện sắm soạn. Cúng dường xong trở lại “nhà khách nữ an nghỉ”.

IV. THỜI GIAN TIẾP KHÁCH CỦA VIỆN CHỦ:

Viện chủ tiếp khách từ 10 đến 12 giờ buổi sáng và từ 4 giờ đến 7 giờ chiều mỗi ngày. Ngoài thời gian được ấn định, khách cần hỏi việc gì nên trực tiếp với thầy Tri Khách.

V. THỜI GIAN TIẾP KHÁCH CỦA CHƯ TĂNG :

Vì đem hết tâm tư vào việc tu tập, chư Tăng ở đây nếu có thân nhân hoặc thiện tín đến thăm cũng

chỉ tiếp vào lúc 10 giờ 30 đến 12 giờ buổi sáng và 5 giờ đến 7 giờ buổi chiều. Mỗi khi khách đến thăm, chư Tăng chỉ được tiếp trong vòng 15 phút và lúc tiếp phải có Tri Khách ở đó. Ngoài thời gian ấn định trên, khách cần nhắn gởi chỉ cho chư Tăng nên trao thẳng với Tri Khách.

PHẦN II

NGHI THỨC

A. NGHI THỨC THỈNH NGUYỆN

I. PHẦN MỞ ĐẦU

Xưa các ngôi Đại già lam đều có lễ Bồ Tát tụng giới vào hai ngày rằm và ba mươi (tháng thiếu hai mươi chín).

Thông thường, vào những ngày này, Phật tử các nơi về chùa thọ giới Bát quan trai (tập tu một ngày một đêm). Đến chiều trong ngày, tất cả đều dự Bồ Tát nghe giới cùng chư Tăng, Ni.

Riêng các Thiền viện thì lâu nay không đặc nặng vấn đề nghi lễ mà chú trọng phần áp dụng công phu bên trong. Hơn nữa, phút giây nào cũng đã giữ tâm an nhiên thanh tịnh rồi, hẳn chẳng cần ấn định ngày giờ như tập tục ngày xưa. Tuy nhiên, phương tiện sách tấn kẻ sơ cơ và hạng lười nhác để họ sớm sửa chữa những sai quấy mà tiến tu, trong Thiền viện cũng có lễ Thỉnh nguyện, vào sớm mai hoặc chiều trong hai ngày nói trên.

II. PHẦN CHÁNH

1. NGHI THỨC HÀNH LỄ :

Nghe ba tiếng chuông, đại chúng y hậu tề chỉnh vân tập trước điện Phật. Thượng tọa Viện chủ niệm hương lạy một lạy quỳ.

a. Bài Nguyện Hương :

Nguyện thử diệu hương vân,

Biến nã thập phương giới,

Cúng dường nhứt thiết Phật,

Tôn pháp chư Bồ tát,

Vô biên Thanh Văn chúng,

Cập nhứt thiết Thánh Hiền,

Duyên khởi quang minh đài,

Xứng tánh tác Phật sự,

Phổ huân chư chúng sanh,

Giai phát Bồ đề tâm,
Viễn ly chư vọng nghiệp,
Viên thành Vô thượng đạo.
Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha tát.

b. Kỳ Nguyện :

Từ thời Thỉnh nguyện chi kỳ, đệ tử chúng đảnh cung tợ Phật tiền, chí thành Thỉnh nguyện. Ngưỡng vọng Tam Bảo lai lâm chứng giám, linh chúng đệ tử thỉnh nguyện tam nghiệp thanh tịnh, Trí tuệ viên mãn.

Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo tác đại chứng minh (3 lần)

c. Tán Phật : (đứng dậy cầm hương lên lư rồi chắp tay đứng thẳng và tụng)

Pháp Vương Vô Thượng Tôn,
Tam giới vô luân thất,
Thiên nhơn chi Đạo sư,
Tứ sanh chi từ phụ, Ư nhứt niệm qui y,
Năng diệt tam kỳ nghiệp,
Xưng dương nhược tán thán,
Úc kiếp mạc năng tận. Năng lễ sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thử đạo tràng như Đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc qui mạng lễ.

Chí tâm đảnh lễ : Nam mô tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai, nhứt thiết chư Phật. (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ : Nam mô tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai, nhứt thiết tôn pháp. (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ : Nam mô tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai, nhứt thiết chư Hiền Thánh Tăng. (1 lạy)

2. *PHÂN THỈNH NGUYỆN :*

Lễ phạt xong, Đại chúng theo thứ tự ngồi thành hai hàng từ trong bàn Phạt ra, Thượng Tọa Viện chủ tuyên bố : Hôm nay là ngày Thỉnh nguyện toàn chúng Tăng lắng lễ nghe đọc nội qui. Sau đó mỗi vị tự kiểm trong nửa tháng qua, nếu có phạm lầm lỗi gì thì phát lời sám hối. Đồng thời cầu xin Đại chúng vì mình chỉ cho những lầm lỗi nào mà mình không thấy, để sám hối cho được thanh tịnh. Tri sự đọc Nội quy.

Thầy Tri sự đọc to lên bản Nội qui của Thiền viện. Sau khi đọc xong, Thượng tọa bảo :

"Phân đọc nội quy rồi, tiếp theo là phân thỉnh nguyện."

Theo thứ tự...

Lời thỉnh nguyện của mỗi vị :

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch Thượng tọa cùng toàn thể Đại chúng :

Trong nửa tháng qua, con tự xét không thấy có tội chi (hoặc có phạm những lầm lỗi gì kể ra sám hối) nhưng ngoài ra, không biết con có phạm lỗi lầm nào mà con không thấy, kính mong trên Thượng tọa cùng toàn thể Đại chúng từ bi chỉ cho con, con sẽ y pháp sám hối cho được thanh tịnh.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thượng tọa chủ lập lại :

Về phần thầy A... tự kiểm trong nửa tháng qua, không thấy có phạm lỗi gì. Nhưng không biết còn có lầm lỗi gì mà thầy A... không thấy, yêu cầu trong chúng từ bi chỉ cho, để thầy A... sám hối cho được thanh tịnh.

Bấy giờ tùy mỗi việc xảy ra, Thượng tọa căn cứ Thanh quy mà giải quyết, theo lời Thỉnh nguyện, người được chỉ lỗi phải vui vẻ sám hối. Sau đó Thượng tọa kết thúc :

Phần thầy A... xong, kế đó, hoặc tiếp.

Sau phần Thỉnh nguyện, Thượng tọa nhắc nhở :

Phần Thỉnh nguyện đã xong, tôi thấy trong chúng đã cố gắng sống đúng tinh thần Nội quy, đồng thời tinh tấn thực hiện cả hai mặt tu tập và công tác. Tôi tin rằng cứ theo đà tiến này, dần dần chúng ta sẽ trở thành những người tốt, xứng đáng, làm gương mẫu cho đời sau. Vậy mong toàn thể vững tiến trên đường Bồ đề, để mình và người đều được lợi ích.

Bây giờ là phần linh tinh, trong chúng thấy cần thay đổi điều gì không ? Hoặc có ý kiến gì nêu lên ?

Sau cùng Thượng tọa bảo :

Mọi việc sắp đặt đã xong, vậy thì Đại chúng xả ra cùng đứng dậy hồi hướng.

Thường lệ Thỉnh nguyện kéo dài khoảng 1 tiếng đến 1 tiếng 30 phút.

3. PHẢN HỒI HƯỚNG :

Công đức Thỉnh nguyện không tính kể,

Thắng phước vô biên đồng hướng về

Nguyện khắp pháp giới các chúng sanh

Thấy đều thể nhập vô sanh nhẫn.

Nguyện tiêu ba chương sạch phiền não

Nguyện được trí tuệ thật sáng ngời

Nguyện cả tội chương thấy tiêu trừ

Đời đời thường hành Bồ tát đạo.

Nguyện đem công đức tu hành này

Chơn rãi mười phương khắp tất cả

Hết thấy chúng con cùng các loại

Đồng được lên ngôi Vô thượng giác.

TAM TỰ QUI Y

Tự qui y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát Vô thượng tâm (1 lạy)

Tự qui y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải (1 lạy)

Tự qui y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thông lý Đại chúng, nhứt thiết Vô ngại (1 lạy)

4. PHẦN ĐÚC KẾT:

Ngoài việc thực hiện và hoàn tất ý hướng ban đầu của người xuất gia, cùng làm sống dậy phương tiện của người xưa, tiến tới chỗ lành mạnh phong hóa trong Thiền môn, đồng thời góp phần xây dựng Phật giáo thế hệ trong tương lai, ngày Thỉnh nguyện còn nói lên được ý chí tự tỉnh, tự giác, sẵn sàng đón nhận mọi ý kiến khách quan, cùng luôn luôn hòa mình cải thiện mọi sai quấy đã có. Như vậy, chính phút giây Thỉnh nguyện, lòng mình được nhẹ nhàng, khoáng khoái, lắng đọng mọi ư tư. Từ đó đời sống trở nên vui vẻ an nhiên và giải thoát.

Thời thường trong các Thiền môn, mỗi nửa tháng cũng Bố tát, tụng giới...

Tuy nhiên, lâu dần chỉ còn là thói quen, cứ làm mà không ý thức được việc làm hết sức quan trọng, rất có ý nghĩa của Thiền môn, mà biến ra lệch lạc và mất cả hiệu năng của nó, cũng mất hẳn tính chất thật tiễn đối với đời sống hằng ngày của đoàn thể Tăng. Vì thế, chủ trương Thỉnh nguyện của Thiền viện nhằm phá vỡ mọi lề thói lỗi thời, mở toan một chân trời mới, để hướng tiến cho kẻ đồng tu cùng vươn đến chí đạo.

Hơn thế nữa, ngày Thỉnh nguyện còn thể hiện trọn vẹn tinh thần bình đẳng cao tột của Đạo Phật. Bình đẳng ở đây nói là thứ bình đẳng không đặt điều kiện, không còn giấu giếm bất cứ gì bên trong lòng mình. Nghĩa là những lời phát nguyện vào Thiền viện là những người tinh tấn đi trên con đường đã chọn, vững chí tiến đến cùng “tâm nguyện của mình” và những lời nguyện đem ánh sáng từ bi trí tuệ của Đạo Phật soi khắp mọi nơi. Nói khác hơn là những người,

“Trước cầu tự độ, sau độ chúng sanh”

Do đó, ngày thỉnh nguyện có một giá trị thiết thực vô cùng, giờ thỉnh nguyện là giờ nói lên tinh thần cao cả của điều “kết hòa đồng giải”, Phút giây thỉnh nguyện là sống đúng với ý nghĩa tự giác, tự tỉnh của những người quyết chí.

“Thượng cầu Phật đạo, Hạ hóa chúng sanh”.

B. NGHI THỨC TỌA THIỀN

I. PHẦN MỞ ĐẦU :

Để thích hợp với sinh hoạt tông lâm hiện tại, và thúc liễm các bạn đồng tu, Thiền viện tổ chức Thời

khóa tọa thiền như sau :

Sáng chiều hai thời thuộc ban ngày. Tối đến có “Khóa lễ Bát Nhã”. Sau đó lúc 8 giờ, thì tọa thiền, và một thời buổi khuya bắt đầu từ khoảng 4 giờ. Như vậy, ngày đêm có cả thảy là 4 giờ tọa thiền công cộng tại thiền đường, có thể thực liễm kẻ sơ cơ, và ngăn ngừa bệnh lười nhác trong thiền viện.

II. CÁCH TỌA THIỀN :

Đến giờ tọa thiền được báo trước bằng ba tiếng chuông, Đại chúng mặc áo tề tụ trước bàn Phật trong thiền đường, vị chủ lễ (thường là thầy Tri sự) đánh chuông xướng :

Chí tâm đánh lễ : Nam mô thập phương tận hư không biên pháp giới quá, hiện, vị lai nhứt thiết chư Phật (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ : Nam mô tận hư không, biên pháp giới quá, hiện, vị lai, nhứt thiết Tôn pháp (1 lạy)

Chí tâm đánh lễ : Nam mô tận hư không, biên pháp giới quá, hiện, vị lai, nhứt thiết chư Hiền Thánh tăng. (1 lạy)

Chỗ ngồi theo thứ tự đã được thầy Tri sự sắp đặt trước và đặt Bồ đoàn sẵn. Từ giờ phút này mọi người cử động phải nhẹ nhàng, chậm rãi và luôn luôn tưởng đến mấy bài kệ :

“Nếu trải giường tòa, nên nguyện chúng sanh, trải mở pháp lành, thấy tướng chân thật.

Lúc ngồi kiết già, nên nguyện chúng sanh, căn lành kiên cố, được bực bất động.”

Sửa Bồ đoàn ngay thẳng, từ từ ngồi xuống theo tư thế thường. Bắt đầu kéo chân trái để trên vế mặt, gót chân vừa sát dạ dưới. Xong lại kéo chân phải đặt trên vế trái, cũng vừa sát dạ dưới chân trái bên này. Sau một lần kiểm soát toàn thể, nới lưng quần cổ áo ra, mắt ngó thẳng tới trước, cách khoảng chừng 6 hoặc 9 tấc tây, bàn tay mặt đặt trong lòng bàn tay trái đầu ngón tay giao nhau và để vừa chấm trên hai gót chân, kê sát dạ dưới. Thông thả uôm thử người xem ngay ngắn chưa, đồng thời ấn mạnh hai tay xuống chừng 6 hoặc 7 lần từ mạnh đến thật nhẹ, thật chậm và dịu dàng. Hai mắt chỉ mở ¼ thôi.

Khi ngồi ngay thẳng rồi, hai chân, hai tay, hai vai sổng mũi, hai mắt và hai tai xếp cho thứ tự, mới hít hơi dài vào (hít vào bằng mũi) và thở ra (bằng miệng) cũng từ thế mạnh đến nhẹ dần, khoảng 6 hoặc 7 lần. Mỗi lần hít vô tưởng bao nhiêu thanh khí trong sạch bên ngoài được đưa vô, và lưu thông khắp cơ thể. Khi thở ra cũng tưởng tất cả nóng bức uế trược bên trong được tổng khứ ra hết.

Hai thời Thiền đầu hôm và buổi khuya, khi đại chúng ngồi yên, thầy Tri sự hô thiền lớn bài kệ này trong ba hồi chuông.

Đầu Hôm :

Canh một nghiêm trang ngồi tĩnh tu,
Tĩnh thần tịch chiếu đồng thái hư,
Muôn kiếp đến nay chẳng sanh diệt,
Đâu cần sanh diệt diệt gì ư ?
Gẫm xem các pháp đều như huyễn,
Bỏ tánh tư không đâu dụng trừ,
Nếu biết tâm tánh không tướng mạo,
Lặng im chẳng động tự như như.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần, mỗi lần đánh một tiếng chuông, Đại chúng niệm theo).

Buổi khuya :

Canh năm Bát Nhã chiếu vô biên,
Chẳng khởi một niệm khắp tam thiên,
Muốn thấy chơn như tánh bình đẳng,
Dè dặt sanh tâm, trước mắt liền.
Lý diệu ảo huyền không lường được,
Dụng công đuổi bắt càng nhọc mình
Nếu không một niệm mới thật tìm,
Còn có tâm tìm toàn chẳng biết.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần, mỗi lần đánh một tiếng chuông, Đại chúng niệm theo)

III. CÁCH XẢ THIỀN :

Khi thấy Tri sự reo lệnh báo mãn giờ Tọa thiền, cũng phải theo thứ tự mà xả ra, không nên bột chốt.

Trước nhất, khởi đầu hồi hướng :

Nguyện đem công đức này,

Hướng về khắp tất cả,

Đệ tử và chúng sanh,

Đều trọn thành Phật đạo.

Khởi sự, thở ra nhẹ nhẹ rồi hít vào cũng thế. Lần lần mạnh và dài hơn. Mỗi hơi hít (hít vào bằng mũi, thở ra bằng miệng) thở đều tưởng đem thanh khí vào, đưa bỏ uế trược ra. Tác động này, được sử dụng khoảng 6 hoặc 7 lần từ từ rất nhẹ đến thật dài.

Từ từ mở lớn hai mắt, cử động lên xuống hai vai, đầu và cổ, rồi ấn nhẹ hai tay xuống (vẫn còn trong tư thế kiết già), mỗi thứ khoảng 6 hoặc 7 lần. Cuối cùng dời hai tay ra đầu gối, lật úp xuống ấn thật mạnh toàn thân, rồi nhẹ nhàng kéo chân trên để xuống.

Bấy giờ, mọi cử động đều đặn bình thường, vẫn ngồi yên trong vị trí cũ. Xoa mặt, đầu trước, lần xuống hai vai, phía sau ót và phía dưới lưng quần cho thật mạnh để trị cảm gió và đau lưng sau này.

Hai tay kéo ra từng bắp chân xoa bóp xong, lại để tự nhiên lại kéo ra xoa cái khác. Sau cùng, là sát nóng hai gò của lòng bàn tay áp lên hai mắt, cũng chừng 6 hoặc 7 lần thôi.

Mọi việc xong xuôi, ngồi xếp bằng an nhiên, chấp tay tụng hồi hướng.

IV. PHẦN NGHI THỨC HỒI HƯỚNG:

BÁT NHÃ TÂM KINH

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh, Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệt phục như thị.

Xá Lợi Tử Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô Vô minh diệt, vô Vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận, Vô khổ tập, diệt, đạo, vô Trí diệt vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố Bồ Đề tất đồa y Bát Nhã Ba La Mật Đa, cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo, mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn. Tam thể chư Phật y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cố tri Bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thực bất hư. Cố thuyết Bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết : Yết đế ,yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề Tát ba ha. (1 biến)

Tiếp bài :

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (lạy 1 lạy)

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, Trí tuệ như hải. (lạy 1 lạy)

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. (lạy 1 lạy)

V. PHẦN PHỤ

Vài phương pháp trị các bệnh thông thường trong khi Tọa Thiền : lúc ngồi Thiền, hành giả nào bị tán động nhiều, thường thường dạy phải buông xả hết, giữ tâm điều hòa lặng lẽ, hoặc được huấn luyện (coi như đã chết). Trái lại, hành giả nào bị hôn trầm tới tấp, không thể chống cự nổi, thì cách trị có nhiều : Hít nóng vào khắp châu thân. Mở lớn hai mắt nhìn trùng trùng xem : Buồn ngủ mi là gì ? Động hai vai hoặc động nhẹ trên thân. Nếu chưa dứt thì đứng dậy lễ Phật ra đi kinh hành.

Nên nhớ hành giả nào mắc phải bệnh này, thì luôn luôn dưỡng mãnh, giữ thân và tâm ngay thẳng, như cây cột sắt. Đừng bao giờ lười nhát hay khiếp nhược. Ta hãy nhớ, người xưa dụng công tu hành .đến nỗi không may may hối tiếc thân mạng “quên thân vì đạo như :

Minh Viên Thiền sư chịu lạnh tốt độ nơi đất Phần Dương. Mỗi khi ma ngủ kéo vào, Ngài lại thẳng tay trừng trị bằng cách lấy dùi nhọn chích vào hông...

Cao Phong Diệu Thiền sư, ba năm nguyện đứng chằng nường giường chống,,, và muôn ngàn vị khác không kể xiết, Đâu như bọn ta ngày nay bụng vẫn no, đã lo đói, nhà sang, nệm ấm vẫn chưa vừa. Ôi, dụng công tu hành như thế ấy, đến bao giờ mới xong !!! Kẻ ghi mấy dòng này, mong người đồng tu hãy cùng cố gắng.

Thiên Như Tắc Thiền sư dạy : người thời nay tu hành không linh nghiệm bởi ba thứ bệnh :

1/ không gặp thiện tri thức chỉ dạy.

2/ Không thống thiết ghi nhớ việc lớn sanh tử, lừng lơ, thông thả, không ngờ mình sống trong vô tích sự.

3/ Đối với việc danh hư lợi ảo thế gian, quán không tan, buông chẳng rời. Lên ngồi trên Bồ đoàn

mà vọng duyên ác tập đuổi không được, bỏ chẳng hết. Chỗ phong ba dấy động, bất giác thân này lặn vào biển nghiệp trôi giạt đông tây. Ngài lại khuyên : Chư Thiên Đức :! Nỗ lực cho đời này liễu ngộ, đừng để vĩnh kiếp chịu tai ương.

Tuyệt Nham Khâm Thiền sư hỏi Tu Thượng tọa :

Hiện giờ tôi bị hôn trầm, tán loạn đuổi không đi, phải làm sao ? Thượng tọa dạy : (Tại ông không mãnh liệt, quyết tâm liễu chết, sấn sớt công phu, thì không làm sao đắc lực được đáng tiếc, dần dà để ngày tháng qua suông.

Và đây chúng ta hãy nghe lời cảnh tỉnh của Thiền sư Cổ Mai Hữu : “Vừa lên Bồ đoàn liền bị ngủ gật, mở được mắt ra thì nghĩ đông tưởng tây, xuống Bồ đoàn thì đi cặp đôi cặp ba, kẻ tai giao đầu, nói to nói nhỏ, nghi một bụng kinh, sách, ngữ lục trên văn tự, thuật hay luận khéo, dụng tâm như thế, đến phút lâm chung đều chẳng thể nương cậy.”

Tóm lại, bởi chúng ta lòng tin chưa đến, nên công phu chưa miên mật. Do công phu không miên mật, nên hôn trầm tán loạn bao vây.

Nếu tâm như cây, như đá, tợ hồ như đồng tro tàn, đem thân tứ đại huyễn hóa này gởi tận thế giới bên kia : dù có bệnh cũng được, chết cũng được, có người săn sóc cũng được, có thầy trị lành bệnh sống đến 120 tuổi cũng được, nếu như chết liền, bị nghiệp thúc lôi vào vạc dầu sôi lò lửa đỏ cũng được... Tất cả cách giới như thế đều không làm lay động được tâm.”

Đây là lời than của Thiền sư Y An mỗi khi trời ngã bóng về chiều, Ngài sa nước mắt : Ngày nay vẫn chưa được gì, ngày mai chớ biết công phu ra sao !!!

Ngoài ra các bệnh như ho, ngứa ngáy nhảy mũi, động quậy, nếu trong khi ngồi thiền, hành giả gặp phải những bệnh kể trên, nên bền chí, chẳng màng tới nó. Hoặc dùng hơi nóng trong người để vận chuyển trị nó. Như đang ngồi yên tĩnh lại bắt ho, khi này ta phải chú tâm dùng hơi thở nóng xoa tẩy nơi chỗ ngứa nấy bắt ho đó, Chịu đựng như vậy lần lần sẽ quen và chiến thắng được tất cả.

Phải gan dạ chịu đựng,

Và xem thường tất cả.

Hãy giữ vững niềm tin,

Bền chí tất sẽ được.

C. NGHI THỨC QUÁ ĐƯỜNG

I. PHẦN MỞ ĐẦU :

Giờ Ngọ trai được bắt đầu vào 11 giờ 30. Khi nghe nhà trù đánh 3 tiếng chuông toàn chúng mặc áo, mang bát và mâm đựng thức ăn xuống nhà trù. Thầy Tri khó phân phối thức ăn xong, mỗi vị tự đến rót cơm vào bát và bưng lên trai đường.

Phân nghi thức thọ trai do thầy tri sự hoặc thầy Duy Na hướng dẫn.

II. PHẦN NGHI THỨC :

Đại chúng đứng thành hàng tề chỉnh, nghe tiếng khánh chấp tay đồng xá, và ngồi xuống. Sau ba hồi Bản chúng, đồng tụng bài cúng dường. (tay trái bắc ấn Tam sơn, tay mặt kiết ấn tam muội để dựa ngan trong miệng bát, rồi dân lên ngan trong miệng bát, rồi dân lên ngan trắng đồng tụng bài cúng dường)

1. Cúng dường :

Cúng dường Thanh tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật.

Viên mãn Báo thân Lô Xá na Phật.

Thiên bá ức Hóa thân Thích ca Mâu Ni Phật.

Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật.

Cực Lạc Thế giới A Di Đà Phật.

Thập Phương Tam thế nhưt thiết chư Phật.

Đại Trí Văn Thù sư Lợi Bồ Tát.

Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát.

Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Chư Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát

Ma Ha Bát nhã Ba La Mật.

Tam đức lục vị, cúng Phật cập tăng, pháp giới hữu tình, phổ đồng cúng dường, nhược phạn thực thời, đương nguyện chúng sanh, thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. (*cúng dường rồi để bát xuống*)

2. Xuất sanh :

(Để chén chung trong lòng bàn tay trái, tay mặt gấp 7 hạt cơm để vào chung, quyết ăn cam lồ mặc niệm) :

Pháp lực bất tư nghi,
Từ Bi vô chướng ngại,
Thất liệp biến thập phương,
Phổ thí châu sa giới
Qui tử mẫu khoáng dã,
Thần kim sí điều vương
Tất linh giai bảo mãn
Ấn độ lợi ích tá ha, (3 lần)

Năng mô tát phạ đất tha, nga đa phạt lô chỉ đế. Ấn tam bạt ra, tam bạt ra hồng (3 lần)

Năng mô tô rô bà da đất tha nga đa da, đá diệt tha. Ấn tô rô bát ra, tô rô bát ra, tô rô ta bà ha (3 lần)

Nhữ đẳng quý thần chúng
Ngã kim thí nhữ cúng,
Thử thực biến thập phương,
Nhứt thiết quý thần cộng
(Ấn mục lực lăng tá ha, 3 lần)
(khải móng tay trên chén 3 lần)

Tổng thực : *(thị giả)*

Chim đại bàng cánh vàng,
Chúng quý thần rừng núi,
Mẹ con quý la sát,
Cơm bảy hạt no đầy

(Án mục đế tóa ha, 7 lần).

Xướng tăng bạt : (*Duy- Na*)

Phật rằng : chư Tăng khi ăn phải gìn năm quán Tán tâm nói nhảm của Tín thí khó tiêu. Đại chúng nghe tiếng khánh, mỗi người nhiếp tâm niệm Phật.

Nam Mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật (*đồng niệm*)

(*Hai tay bưng bát dâng ngan trắng, thâm đọc :*)

Chấp trì án khí,

Đương nguyện chúng sanh,

Thành tựu pháp khí

Thọ thiên nhơn cúng.

Án chỉ rị, chỉ rị, phát nhựt ra hồng phần tra (3 lần)

3. Lưu Phạn Kệ Chú : (*để ít cơm ra bát, bưng bát cơm lên tay thâm đọc :*)

Dĩ kim sở tu phúc

Phổ triêm ư quỹ chúng

Thực dĩ miễn cực khổ,

Sả thân sinh lạc xứ,

Bồ tát chi phước báo,

Vô tận nược hư không,

Thí hoặc như thị quả,

Tăng trưởng vô hưu tức.

(Án độ lợi ích tóa ha (3 lần)

(*để bát xuống cầm muống múc cơm rồi tưởg*)

4. Tam đề :

Muống thứ nhất :

Nguyên đoạn nhứt thiết ác.

Muống thứ hai :

Nguyên tu nhứt thiết thiện.

Muống thứ ba :

Nguyên độ nhứt thiết chúng sanh.

(Trong khi thọ thực phải tưởng ngũ quán)

- 1/ Xét công nhiều ít so chỗ kia đem đến.
- 2/ Lượng đức hạnh của mình đủ hay thiếu mà thọ của cúng dường.
- 3/ Ngừa tâm xa lìa tội lỗi, tham sân si là cội gốc.
- 4/ Chính là vị thuốc hay để chữa lành bệnh khô gầy
- 5/ Vì thành đạo nghiệp nên thọ cơm này.

5. Tây Bát Kệ Chú :

(Thọ trai xong, cho nước vào tráng bát thầm đọc :)

Dĩ thử tây bát thủy,

Như thiên cam lồ vị,

Thí dĩ chư quý thần,

Tất giai hoạch bảo mãn.

Án ma hù ra tất tóa ha. (3 lần)

6. Ấm Thủy Kệ Chú :

Phật quán nhứt bát thủy,

Bát vạn tứ thiên trùng,
Nhược bất trì thử chú,
Như thực chúng sanh nhục.
Án phạt tất ba ra ma ni tóa ha (3 lần)

7. Kiết trai kệ : (đồng tụng)

Sở vị bố thí giả
Tất hoạch kỳ lợi ích,
Nhược vị nhạo bố thí,
Hậu tất đắc an lạc,
Phạn thực dĩ ngật,
Đương nguyện chúng sanh
Sở tắc giai biện,
Cụ chư Phật pháp.

8. Phục nguyện : (Duy- Na xướng)

Cơm ngày hai bữa, thường nhớ công khó khổ của kẻ nông phu. Thân mặc ba y, hằng xét nghĩ sự nhọc nhằn của người thợ dệt, Thuốc thang đường chống bởi do nhín ăn bớt mặc của đàn na. Học đạo tiến tu bởi lòng từ dạy rằng của Thầy, Tổ.

Nguyện cho thí chủ : Ruộng phước thêm nhiều, đạo tâm thêm lớn cùng chúng sanh khắp trong pháp giới, kẻ mắt người còn đồng thành Phật đạo.

Nam Mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật (đồng niệm)

D. KHÓA KẼ BÁT NHÃ

(Vào khoảng 7 giờ mỗi tối - chủ lễ thấp ba cây hương quỳ ngay thẳng cầm hương ngan tráng niệm bài cúng hương)

Cúng hương tán Phật :

Nguyện thử diệu hương vân
Biển mãn thập phương giới
Cúng dường nhứt thiết Phật
Tôn pháp chư Bồ tát
Vô biên Thanh Văn chúng
Cập nhứt thiết Thánh Hiền
Duyên khởi quan minh đài
Xưng tán tác Phật sự
Phổ huân chư chúng sanh
Giai phát Bồ đề tâm
Viễn ly chư vọng nghiệp
Viên thành vô thượng đạo.

Kỳ nguyện :

Đệ tử chúng đẳng nguyện Thập phương thường trú Tam bảo Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, từ bi gia hộ đệ tử... Bồ đề tâm kiên cố, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, giữ pháp giới chúng sanh, nhứt thời đồng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nam Mô Hương Cúng Dường Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

Tán Phật : (*Đứng dậy cắm hương lên lư rồi chắp tay đứng thẳng đồng tụng*)

Pháp Vương Vô Thượng Tôn
Tam giới vô luân thất
Thiên nhơn chi đạo sư
Tứ sanh chi từ phụ

Ư' nhứt niệm quy y
Năng diệt tam kỳ nghiệp
Xưng dương nhược tán thán
Úc kiếp mạc năng tận.
Năng lễ sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì
Ngã thử đạo tràng như đế châu
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Chí tâm đảnh lễ : Nam Mô tận hư không, biến pháp giới, quá, hiện, vị lai thập phương chư Phật, Tôn pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trụ Tam bảo (1 lạy)

Chí tâm đảnh lễ Nam Mô Ta Bà Giáo Chủ điều ngự Bồ sư Thích Ca Thích Ca Mâu Ni Phật, Long Hoa Giáo Chủ Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ tát (1 lạy)

Chí tâm đảnh lễ : Nam Mô Tây phương Cực Lạc, thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, đại bi Quán Thế Âm Bồ tát, đại Thế Chí Bồ tát, đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ tát, Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ tát (1 lạy)

Tán Lư Hương :

Lư hương xạ nhiệt
Pháp giới mông huân
Chư Phật hải hội tất điều văn
Tùy xứ kiết tường vân
Thành ý phương ân
Chư Phật hiện toàn thân

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ tát (3 lần)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Khai Kinh Kệ :

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,

Nguyện giải Như lai chơn thật nghĩa

BÁT NHÃ TÂM KINH

Nam Mô Bát Nhã Hội thượng Phật Bồ tát (3 lần)

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật đa tâm kinh, Quán Tự tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhưt thiết khổ ách.

Xá Lợi tử : Sắc bất dị Không, Không bất dị sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị sắc, Thọ, Tưởng, hành, Thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi tử : Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung, vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức ; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý ; vô sắc, thanh, hương, vị xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô y, u thức giới; vô Vô minh, diệt vô Vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệt vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo, mộng tưởng cứu cánh Niết bàn. Tam thể chư Phật y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tan miệu Tam Bồ Đề. Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhưt thiết khổ, chân thật bất hư. Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết : Yết đế, yết đế, Ba La yết đế, Ba La tăng yết đế, Bồ Đề tát Bà ha.

(tụng 3 lần)

Lễ Phật, Bồ tát và chư Tổ Sư

Chí tâm đảnh lễ : Nam Mô quá khứ Tỳ bà Thi Phật

Chí tâm đảnh lễ : Nam Mô hiện tại Bốn sư thích ca Mâu Ni Phật.

- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật.
- Chí tâm đánh lễ : Đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô Đại Lực Đại Thế Chí ồ tát.
- Chí Tâm đánh lễ : Nam Mô Đại Ca Diếp Tổ sư.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô ANan Tổ sư.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô Bồ đề Đạt Ma Tổ sư.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô Huệ Khả Tổ sư.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô Tây Thiên Đông Độ việt Nam lịch đại chư vị Tổ sư.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô tồ tà phụ chánh Hộ Pháp chư Tôn Bồ tát.
- Chí tâm đánh lễ : Nam Mô Đạo tràng hội thượng Phật Bồ tát.

Văn Phát Nguyện Hồi Hương

Đệ tử chúng con một lòng thành
Nguyện cho đất nước chóng thanh bình
Tai nạn binh đao đều dứt sạch
Huynh đệ nhìn nhau con một nhà
Xót thương cứu giúp tiêu thù hận
Cả trên thế giới thấy an lành
Cùng chung nhơn loại lòng yêu mến
Sớt cơm chia áo một tâm thành
Kết tình đồng loại như ruột thịt

Nguyện cả chúng sanh đến côn trùng
Cùng khởi lòng thương che chở thả
Ai đành sát hại làm lợi mình
Mong sao toàn thể cùng vui sống
Nguyện mưa chánh pháp khắp quần sanh
Mọi loài đều được ơn nhuần gội
Nhiệt não tiêu tan lòng thanh lương
Tam thừa Thánh quả đều an trụ.
Nguyện cho dứt sạch mọi não phiền
Gắng tu chẳng chút sanh lười mỗi
Lập chí vững chắc như kim cương
Dù bao sóng gió không lay động;
Thẳng bước tiến lên quả vô sanh
Yêu ma quỷ mị không ngăn nổi
Chiếc gương trí tuệ tay chẳng rời
Đơn đao đột nhập vô thượng giác;
Tam độc bát phong không chướng ngại
Chỉ một chơn như tam muội ấn
Tiến thẳng vào trong nhà pháp thân
trên ngọn diệu phong rong tự tại
Xem xét mười phương chúng khổ đau
Hỗ thẹn ăn năn mọi lỗi lầm
Khởi từ phương tiện tùy ứng hóa

Đưa chúng sanh đồng lên bờ Niết Bàn
Dù cho gian khổ lòng không nãn
Công đức tu hành xin hướng về
Tất cả chúng sanh cùng mình được
Đồng nương chánh pháp tối thượng thừa
Lên ngôi chánh giác chứng Phật đạo.

VĂN SÁM HỐI (tối 14 và 29 mỗi tháng)

Chúng con đồng đến trước Phật đài
tâm thành đánh lễ mười phương Phật
Tất cả Bồ Tát trong ba đời
Thanh Văn Bích Chi chúng Hiền Thánh
Đồng đến chứng minh con phát lồ :
Bao nhiêu tội lỗi trong nhiều kiếp
Ba nghiệp gây nên chẳng nghĩ lường
Nổi chìm lẫn lộn trong ba cõi
Tội ác chiêu hoài không biết dừng.
Hôm nay tỉnh giác con sám hối
Cầu xin chư Phật đồng chứng giám
Bồ Tát Thanh Văn thấy hộ trì
Khiến con tội củ như sương tuyết
Hiện tại đời con đang sống đây

Tuy có duyên lành gặp Phật pháp
Mà đã gây nên lắm nghiệp khiên :
Lòng còn chứa chấp tham kiêu mạn
Sân si tật đố hạnh tà mê
Miệng nói điều ngoa thêm dối trá
Gạt lường ác khẩu lời vu oan
Sát sanh hại vật thân gây tạo
Thương tổn sanh linh để lợi mình
Tam Bảo chứng minh con sám hối
Dứt tâm tương tục kể từ đây
Không hề tái phạm dù lỗi nhỏ
Nguyện gìn ba nghiệp như giá băng.
Nguyện đặt chơn tông giáo Viên đốn
Kiến tánh viên minh tâm nhất như
Vọng tình ngoại cảnh dường mây khói
Nghiệp thức vốn không trí sáng ngời.
Liễu sanh thoát tử không ngăn ngại
Tam giới ra vào độ chúng sanh
Thuyền từ chông mãi không dừng nghỉ
Đưa hết sinh linh lên giác nhận.
Công đức tu hành xin hồi hướng
Tất cả chúng sanh đều Niết Bàn

Vào nhà chư Phật ngồi tòa báu
Mặc áo Như Lai chúng pháp thân
Đồng phát Bồ Đề tâm bất thoái
Đồng ngộ vô sanh pháp giới chơn
Đồng lên Phật quả vào Diệu giác
Đồng nhập chơn như thể sáng tròn.

- o -

CHỦ LỄ XƯỞNG

Tánh tội vốn không do tâm tạo
Tâm nếu diệt rồi tội sạch trong
Tội trong, tâm diệt, cả đều không
Thế ấy mới là chơn sám hối.

Nam Mô cầu Sám Hối Bồ tát (*đồng tụng 3 lần*)

CÁC BÀI PHỤC NGUYỆN

Phục Nguyện Cầu An

Nam Mô Bồ Sư Thích ca Mâu Ni Phật.

Nguyện dĩ thử công đức cầu an Phật tử (hoặc chư Phật tử, nếu số nhiều). Thượng thừa Tam Bảo
lực, tứ đại thường an lạc, Bồ đề tâm tăng trưởng.

Phổ nguyện : Thập phương Đản Việt tăng ích phước điền, âm siêu dương thái, pháp giới chúng
sinh, tề thành Phật đạo

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (*đồng niệm*)

Phục Nguyện Cầu Siêu

Nam Mô Bốn Sư Thích ca Mâu Ni Phật.

Nguyện dĩ thử công đức hồi hướng cầu siêu Phật tử...(hoặc chư Phật tử nếu có số nhiều)

Thừa tư Phật lực, tốc thoát khổ luân, tảo đặng chánh giác.

Phổ nguyện : hiện tiền tang quyến, phước huệ trang nghiêm, âm siêu dương thới, pháp giới chúng sanh, đồng thành Phật đạo.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (*đồng niệm*)

(phần này tùy theo vị Duy Na hoặc chủ lễ, nếu có bài phục nguyện nào thích hợp và hay hơn, thì cứ tùy phương tiện sử dụng)

E. TUẦN LỄ THAM HỌC

Thiền Viện Chơn Không chủ trương “Thiền giáo đồng hành” nên mỗi tháng, đều có một tuần lễ học Kinh Luận, và Sứ chư Tổ vào đầu tháng. Chương trình và các Kinh, Luận, Sứ phải học, được ấn định sẵn trong Thanh Quy.

Tuy nhiên, vị Thượng tọa có trách nhiệm giảng dạy hướng dẫn có thể linh động. Tùy theo mỗi tuần, đều có học Kinh, Luận, Sứ để bổ sung cho nhau. Trừ trường hợp các bộ kinh lớn... phải học liên tiếp trong nhiều tuần lễ mới xong thì thôi.

Tuần lễ học vị nào trong chúng tham dự thì được miễn công tác ngoài vườn như thường lệ.

Sáng 8 giờ học tới 10 giờ

Chiều 2 giờ 30 học đến 4 giờ 30.

Lớp học được tổ chức trong Thiền đường. Trước 15 phút vào Thiền đường nghe kinh, thầy hương đăng đánh một hồi ba tiếng chuông báo cho toàn chúng biết, để chuẩn bị.

Và sau đó đúng giờ đánh ba tiếng chuông vào học mỗi khi mãn giờ học, thầy Hương đăng lại đánh một hồi chuông, để dạy chúng nghỉ ngơi, vào nhà trù chuẩn bị ngộ trai.

*

PHẦN III PHỤC LỤC

DIỄN VĂN KHAI MẠC KHÓA I THIỀN VIỆN CHƠN KHÔNG (1971 - 1974)

Thiền Viện Chơn Không , ngày mùng 8 tháng 4 năm 1971

Kính thưa quý vị ;

Sở dĩ chúng tôi thành lập *Thiền viện Chơn Không* này bởi có nhiều lý do :

I. TRỪ DỆP MÊ TÍN VÀ LÝ THUYẾT SUÔNG :

Việt Nam đang mắc hai bệnh nan y : Phổ biến mê tín và lý thuyết suông.

Số Tăng Sĩ ít học muốn hoằng hóa Phật pháp, họ không có phương tiện nào khác hơn là, tổ chức cúng kinh, cầu an cầu siêu, thậm chí coi ngày, xem tướng, xin xăm bói quẻ, cúng sao cúng hạn, Phật sự của họ chỉ loanh quanh chỉ bao nhiêu việc đó. Song với thời chiến tranh này việc ấy rất thanh hành, ví con người đã mất hết lòng tự tín. Cho nên các chùa thường tổ chức cúng kính cầu nguyện xin xăm, bói quẻ, được đa số Phật tử hưởng ứng, tới lui tấp nập cúng dường sung túc. Nhưng sự thanh nhàn này chỉ tạm thời thôi. Vì một ngày nào đó, thái bình trở về trên đất nước, chừng ấy con người sẽ tin tưởng vào tự lực của mình. Khi đó những nơi gieo rắc sẽ bị đào thải. Hơn nữa, Phật giáo là giáo lý giác ngộ, trái hẳn với mê tín và ỷ lại. Nếu người truyền đạo mà gieo rắc mê tín là phản bội với đức Phật vậy.

Số Tăng Sĩ hữu học thường dùng sự giảng kinh, thuyết pháp dạy học làm phương tiện hoằng hóa. Đối với sự truyền bá này rất hợp lý, gieo cho mọi người niềm tin Phật chơn chính. Song, vì nặng lòng hoằng hóa các vị tăng này không có thời giờ tu tập. Bởi thiếu sự huân tu, nên khi xúc duyên đối cảnh, các vị Tăng này không có đủ sức tự chủ. Vì thế mà sanh đắm nhiễm dục lạc thế gian, hoặc sân hận bộc phát, làm trò cười cho thức giả. Sự việc như thế là do có học mà không có hành, có hiểu biết mà không có tu, chỉ là lý thuyết suông mà thôi.

Thiền Viện là chỗ học ít tu nhiều, mỗi tháng chỉ học một tuần còn ba tuần thực tập. Có tu học, chúng ta mới khỏi lối “ *Lý thuyết suông* ” Có tu có học chúng ta mới có khả năng dẹp sạch phiền não của mình và dạy người dẹp trừ phiền não. Được như vậy mới hợp với

đạo giác ngộ giải thoát và gieo rắc sự thật để cứu khổ chúng sanh, dứt sạch mê tín dị đoan.

II. KHAI THÔNG ĐƯỜNG LỐI TU HÀNH :

Phương pháp giáo dục ngoài đời, cấp tiểu học ông thầy chỉ dạy cho học trò học thuộc lòng những bài văn danh từ và tập viết đúng chữ đúng câu, không cần tìm hiểu nghĩa lý sâu xa. Cấp Trung học cho học sinh học tổng quát về các môn, nhưng chưa chú trọng thực hành. Đến cấp Đại học, tùy sinh viên chọn lấy một môn nào thích hợp với mình, học và thực tập hẳn môn ấy. Có thể sinh viên sau khi ra trường, mới là người hữu dụng cho quốc gia.

Phương pháp dạy đạo cũng thế, tu sĩ mới vào chùa chỉ cần học thuộc lòng kinh chú để trì tụng thôi. Sau khi đã rành kinh chú tụng niệm, tu sĩ phải học khái quát hết kinh điển quan trọng. Đến cuối cùng tu sĩ phải chọn lấy một pháp môn nào trong kinh luận mà mình thích hợp để tu hành đến chỗ chứng quả. Được vậy, sự học đạo mới có ngày viên mãn.

Song khổ thay ! Phật giáo Việt Nam hiện giờ chỉ có hai giai đoạn đầu mà không có giai đoạn cuối. Cho nên có lắm Tăng sĩ sau mười năm học đạo ở chùa, vẫn không biết mình đang tu pháp môn gì ? Đó là chỗ bế tắc, khiến nhiều Tăng sĩ đi giữa đường rồi lui sút, hoặc đâm ra thụ hưởng.

Tu viện ra đời để khai thông chỗ bế tắc ấy. Tăng sĩ sau khi đã hiểu khái quát Phật giáo, muốn chuyên tâm tu Thiền hay Tịnh thì vào hẳn tu viện Thiền, Tịnh mà tu nơi đây sẽ khai thác triệt để phương pháp tu, khiến Tăng sĩ thấy rõ đường lối tu hành của mình cao siêu thanh thoát, để vui tiên không dừng, lại tạm đủ tiện nghi để khỏi bận tâm lo nghĩ về sự sống. Nhờ đó, Tăng sĩ sẽ tiến mãi không lùi và ngoài sự tu không còn nghĩ gì khác.

III. SỬA ĐỔI SỰ TU SAI LẦM ĐEM LẠI SỰ TU CHÂN CHÍNH

Phong trào học Thiền, tu thiền đang chỗi dậy trên lãnh thổ Việt Nam. Khá nhiều tu sĩ đang tu thiền và đã tu thiền. Song, những người đã tu ấy có nhiều người bị cuồng loạn, hoặc bệnh tật. Đó là lý do khiến nhiều người kinh sợ, cho rằng “tu thiền dễ điên”. Nhưng có biết đâu, những người nói tu thiền đó, sự thật họ không có tu thiền gì hết. Vì chính họ chưa biết thiền là gì ? hướng nữa là tu. Bởi không biết thiê, nên nghe ai dạy ngồi yên quán thế này tướng thế nọ, họ cho đó là dạy thiê. Những tệ hại của những người tu thiền xảy ra, đó là bởi tu mù luyện quán gây nên.

Tu Viện Chơn Không ra đời cố sửa những sai lầm ấy và gây dựng lại đường lối tu thiền đúng là Thiền Tông Phật giáo. Cho nên trong Thiền viện ra đời là thời vào Phật giáo Việt Nam một luồng sinh khí mới, khiến cho Tăng sĩ Việt Nam thấy rõ đường hướng tiến thủ của mình, đồng thời đem lại cho Phật giáo Việt Nam đường lối tu tập vững chắc.

Tuy nhiên, danh từ Thiền viện chúng ta thấy rải rác dựng trên mái các ngôi chùa nhỏ có lớn có, họ chưa ý thức rõ rệt Thiền viện là thế nào ? Đó là chỉ dùng làm danh từ, chứ không có thật chất Tu Viện. Tu Viện dùng đúng ý nghĩa của nó là chỗ đào luyện những dòng tu theo một lối tu chuyên môn của dòng ấy. Thiền viện cũng là nơi chứa rất đông Tu sĩ cùng một chí hướng đồng một hạnh nguyện. Thiền viện đã vạch sẵn một đường lối tu hành và sự học tập có đường hướng rõ ràng. Đây là khái quát những lý do căn bản do sự cần ích của Thiền viện, nếu đi sâu vào chi tiết thì quá nhiều, không có đủ thì giờ trình rõ cùng quý vị.

Sau khi dứt lời, chúng tôi ước mong Phật giáo Việt Nam sẽ ra đời nhiều Thiền viện nối gót theo Tu Viện Chơn Không này.

Kính chào quý vị
Viện chủ
THÍCH THANH TỪ

CÔNG TÁC PHỔ THỈNH

A. DẪN NHẬP

Mỗi tháng ngày 15 và 30 (tháng thiếu 29) trong giờ tiểu thực sáng thầy Tri sự tuyên bố giữa chúng. Hôm nay là ngày công tác phổ thỉnh sau giờ tiểu thực nghe ba tiếng chuông thỉnh đại chúng theo tôi đi công tác... Mong toàn chúng liễu tri cho.

Thường thì công tác phổ thỉnh được áp dụng với tinh thần bình đẳng, trên từ Thượng tọa viện chủ dưới đến toàn chúng đều phải đi làm công việc do thầy Tri sự chỉ định và hướng dẫn. Như công tác phổ thỉnh làm cỏ ngoài vườn, tiểu thực xong đại chúng đến kho chứa dụng cụ của mình sau đó, kẻ cuốc người dao... cùng ra vườn làm cỏ cho đến khi nào có ba tiếng chuông báo nghỉ mới được nghỉ ngơi.

B. PHẢN CHÁNH

Điểm then chốt trong Thiền viện là lúc nào cũng thiền, lúc nào cũng giữ tâm lặng lẽ an nhiên không phải đợi đến giờ lên bờ đoàn ngồi ngay thẳng mới ngồi mới tu... Thành thử khi làm việc nặng nhọc, trong ngày phổ thỉnh cũng như lúc ngồi khoan thay trên bờ đoàn toàn chúng đều sống đúng với nếp thiền. Có thể mới xứng hợp với người xưa, mới không xao lãng công phu tu hành và thực hiện một đời sống toàn diện.

Sau đây xin dẫn một câu chuyện trong ngày công tác phổ thỉnh của đạo tràng vi khai tổ tông Quy Ngưỡng cũng để chứng tỏ các bậc tiền bối dụng công tu hành không phút giây xao lãng.

- Trong ngày phổ thỉnh, sư cùng chúng đi hái trà dưới núi. Đến chiều sư bảo Huệ Tịch (Ngưỡng Sơn) Từ sáng chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con, hãy hiện bốn hình cho ta thấy coi .

- Huệ Tịch liền đập cây trà.
- Sư bảo :
- Con chỉ được dụng của nó mà chẳng được thể của nó.
- Huệ Tịch thưa :
- Chưa biết Hòa thượng thể nào ?
- Sư im lặng.
- Huệ Tịch lại thưa :

- Hòa thượng chỉ được thể của nó mà chẳng được dụng của nó.
- Sự liên bảo :
- Con đáng ăn 20 gậy của ta.

Ở đây chúng ta miễn bàn đến chiều sâu của cốt chuyện mà chúng ta chỉ nên để ý đến yếu điểm gọi là ‘tụ tập của người xưa’. Quả thật lúc nào và bao giờ các Ngài cũng làm một việc duy nhất, chỉ sống với cái đó mà thôi. Dù phải tùy duyên tùy cảnh, nhưng tâm các Ngài vẫn không xao việc đó. Nói rõ hơn là trong sinh hoạt hằng ngày của các thiền sư ở trong những thiền viện xưa cũng như nay, luôn luôn lúc nào các Ngài cũng điều hòa và an nhiên, không bị đóng khung trong bất cứ lãnh vực nào dù tinh thần hay vật chất. Vì lẽ đó mới là vô ngại, là đi cũng thiền, ngồi cũng thiền...

Giả sử lúc nào các Ngài không hằng sống với cái đó, không làm chủ được mình và hằng lặng lẽ xét soi thì làm sao các Ngài thoát được những lời nói vừa tự nhiên vừa chân thật như cốt chuyện đã dẫn và vô lượng cốt chuyện khác, để chứng tỏ đường đi, chỗ đến của các Ngài như thế.

C. PHẦN KẾT

Tóm lại ngày công tác phổ thỉnh nhằm giải quyết hai việc như sau :

- Thứ nhất : Là trong những công tác hằng ngày, toàn chúng mỗi người làm một việc, lãnh một phận sự. Ngày công tác phổ thỉnh nhằm giải quyết những việc còn ứ lại mà cần nhiều người thực hiện mới xong.

Hơn nữa, trong công tác hằng ngày mỗi người làm việc riêng rẽ với phần việc của mình, không có dịp tiếp xúc cùng chung làm một việc. Ngày công tác phổ thỉnh mọi người cùng làm một việc cùng tiếp xúc nhau. Đó cũng là một cơ hội tốt để dò xét công phu của mình.

XEM :

- Ở chỗ tĩnh gặp động mình có thói chẳng ?

- Đem công phu riêng biệt hòa cùng mọi người, xem khế ứng chẳng ? và cuối cùng là biết được đạo lực của mình thâm thiền thể nào mà tiến thêm cho đến chỗ viên mãn như.

D. PHẦN ÁP DỤNG PHÁP TU TRONG KHI CÔNG TÁC

Trong nhà thiền rất kỵ hai chữ ‘**phân biệt và vọng tưởng**’. Hễ có phân biệt tức có vọng tưởng, cũng như bao giờ vọng tưởng còn sinh tức nhiên phân biệt cũng theo đó mà ứng khởi.

Bởi vậy, bất cứ công việc nào trong nhà thiền cũng đều nhằm làm sao cho mọi người ‘**dừng vọng tưởng, thôi phân biệt**’ và muốn khởi vọng tưởng thì đó duyên xúc cảnh cũng không nên vọng tưởng, cho nên ngày công tác phổ thỉnh cũng như bất cứ một công tác nào trong thiền viện, các thiền sư luôn luôn

nhắc nhở đến môn đệ.

Chỉ làm hết bổn phận, không chuộng thành quả chẳng thích phân biệt, chọn lựa khen chê... Chỉ hay dụng công tiêu trừ vọng tập, khiến cho tâm cảnh được như như.

Vì thế phải áp dụng công phu tu tập vào ngày công tác phổ thông, cũng như mọi sinh hoạt hằng ngày là “Làm mà không phân biệt suy tính” cốt giữ tâm thanh tịnh như như. Nói khác hơn tức là hoàn toàn thụ động, sai đâu làm đó, mọi việc đã có thầy Tri sự xếp đặt cho rồi, khỏi phải bận tâm lo lắng điều gì cả, chỉ một bề hạ thủ công phu mà thôi.

*